

Mục đích sử dụng biểu đồ sáng chế

Người trình bày: Shinichiro Suzuki

Viện Sáng chế và Sáng kiến

1. Khi việc sử dụng thông tin sở hữu trí tuệ ngày trở nên tinh vi, nhiều nỗ lực nhằm thu thập, hệ thống hoá và phân tích theo từng nhóm tài liệu sáng chế đã được thực hiện. Đây là một sự tiến bộ so với phân tích từng tài liệu theo cách thông thường. Xuất phát từ quan điểm đó, việc phân tích thông tin sáng chế diễn ra dưới nhiều hình thức mà một hình thức điển hình là phân tích biểu đồ sáng chế. Biểu đồ sáng chế được sử dụng để giúp đối tượng sử dụng không phải chuyên gia như lãnh đạo công ty giải thích một cách dễ dàng nhiều loại thông tin thu được từ các thông tin sáng chế. Các biểu đồ sáng chế như thế thường được phân tích bởi các chuyên gia thông tin sáng chế hoặc các chuyên gia kỹ thuật và được thể hiện dưới hình thức trực quan.
2. Biểu đồ sáng chế là một sự thể hiện trực quan hấp dẫn về các thông tin sáng chế được thu thập, xử lý và phân tích vì mục đích cụ thể. Nói cách khác, biểu đồ sáng chế là đáp ứng các nhu cầu đa dạng của người sử dụng bởi vì:
 - * Mục đích sử dụng rõ ràng;
 - * Bao gồm tất cả thông tin sáng chế liên quan mà không có sự gián đoạn hoặc thông tin không phù hợp;
 - * Trực quan, cách diễn đạt dễ hiểu. Bởi vì, biểu đồ được lập dựa vào thông tin sáng chế, nên thông tin kỹ thuật, thông tin về tình trạng pháp lý và thông tin về doanh nghiệp chứa trong thông tin sáng chế có thể được sử dụng theo cách đó. Ngoài ra, bởi vì thông tin đã được chọn lọc, nó có thể được sử dụng mà không phải tra cứu phức tạp. Ngoài ra, sự thể hiện bằng các thuật ngữ phổ thông và cách thể hiện trực quan cho phép nhiều đối tượng từ các nhà quản lý doanh nghiệp đến nhà nghiên cứu sử dụng.
3. Ở Nhật Bản, việc sử dụng biểu đồ sáng chế được bắt đầu từ những năm 1960. Một động lực mạnh mẽ về việc sử dụng biểu đồ sáng chế vào thời điểm đó là lời phát biểu của Ông J.R.Shipman, Trưởng phòng Hợp đồng sáng chế lúc đó của IBM, trong một bài giảng: “Chúng tôi thường xây dựng biểu đồ sáng chế. Chúng tôi cùng với các nhà nghiên cứu xây dựng các biểu đồ sáng chế. Trong quá trình đó chúng tôi xem xét các mục tiêu mà nhà nghiên cứu cần đặt ra và cách thức để đạt được mục tiêu đó”.
4. Sau đó, các công ty Nhật Bản dần dần sử dụng biểu đồ sáng chế. Theo một bản thăm dò của Viện Nghiên cứu công nghiệp năm 1998, 86% trong số 280 công ty đã trả lời họ sử dụng biểu đồ sáng chế theo cách này hoặc cách khác (1). Người ta cho rằng biểu đồ sáng chế được sử dụng rộng rãi từ khi thông tin sáng chế được công bố như là thông tin kỹ thuật có thể đạt được. Tuy nhiên, hơn nửa số công ty trả lời rằng họ chưa thỏa mãn với mức độ sử dụng biểu đồ sáng chế trong khi chỉ có 20% trả lời sử dụng tương đối thường xuyên. Điều này cho thấy rằng mặc dù biểu đồ sáng chế tương đối dễ xây dựng với các chương trình phần mềm đặc biệt, việc xây dựng biểu đồ thực sự hữu ích không phải luôn luôn dễ dàng.
5. Trước khi lập biểu đồ sáng chế, mục tiêu sử dụng cần phải được làm rõ. Một biểu đồ sáng chế có giá trị cần phải đáp ứng đầy đủ mục đích sử dụng. Các công ty Nhật Bản sử dụng biểu đồ sáng chế cho các mục đích sau:

- Khai thác những thông tin định hướng về các chủ đề mới về nghiên cứu / tra cứu nghiên cứu và phát triển (R&D);
- Phân tích các định hướng nghiên cứu và xu hướng thị trường vào thời điểm bắt đầu phát triển công nghệ/ thương mại;
- Xác định các bằng độc quyền sáng chế đang cản trở việc thâm nhập thị trường xác định tình trạng pháp lý của các bằng độc quyền đó;
- Xác định các sáng chế của công ty liên quan với tình trạng kỹ thuật đã biết (xác định sáng chế đồng dạng nước ngoài khi tiến hành hoạt động kinh doanh tại các nước ngoài Nhật Bản);
- Đưa ra các yêu cầu bảo hộ rộng và mạnh;
- Xác định các chủ đề R&D và xu hướng nghiên cứu của các đối thủ;
- Đánh giá công nghệ (sáng chế) trước khi cấp li xăng;
- Xác định các li xăng triển vọng;
- Xác định công ty có nhiều khả năng vi phạm;
- Đánh giá chất lượng công nghệ và kết quả nghiên cứu;
- Đào tạo cán bộ sở hữu trí tuệ mới.

Chính phủ cũng lập biểu đồ sáng chế nhằm phân tích xu hướng phát triển của các ngành công nghiệp và công nghệ và đảm bảo việc xét nghiệm sáng chế hiệu quả.

6. Khi mục đích sử dụng đã rõ ràng nghĩa là thông tin sáng chế cần thiết đã được thu thập. Dữ liệu cần được thu thập toàn diện theo cùng phương thức như trong trường hợp tra cứu sáng chế để không bỏ qua dữ liệu thích hợp mặt khác không sử dụng các dữ liệu không liên quan. Việc loại bỏ các dữ liệu không liên quan khỏi nhóm các thông tin sáng chế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc tiến hành phân tích định lượng thông tin sáng chế mà sẽ được đề cập ở phần sau. Xây dựng tập hợp thông tin với phân loại quốc tế đơn thuần sẽ dẫn đến việc có quá nhiều thông tin không liên quan trong khi việc thu thập các thông tin với các từ khơi tự do thường dẫn đến bỏ sót các dữ liệu quan trọng. Biểu đồ sáng chế mà Viện Sáng chế và Sáng kiến xây dựng theo hợp đồng với Trung tâm thông tin và các thông tin liên quan không bị bỏ qua và sau đó các thông tin không liên quan tục bị loại bỏ trong quá trình các chuyên gia kiểm tra lại. Trong nhiều trường hợp tập hợp thông tin sáng chế được lưu trữ như cơ sở dữ liệu. Các thông tin khác như chỉ số phân loại riêng biệt có thể được bổ sung vào cơ sở dữ liệu nếu cần thiết sau khi phân tích từng trường hợp.
7. Sau đó, thông tin sáng chế thu thập được hệ thống hơn và phân tích. Có nhiều phương pháp để xây dựng biểu đồ sáng chế tùy theo mục đích sử dụng. Các phương pháp phân tích này cũng cho phép quan sát trực quan.

Các phương pháp đó được giải thích ngắn gọn như sau:

8. Nhìn chung, biểu đồ sáng chế có thể được phân tích theo phương pháp định tính hoặc định lượng. Phương pháp định tính phân loại thông tin sáng chế theo các đặc điểm hệ thống hóa của từng sáng chế để thể hiện định hướng chung của sáng chế.

